TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 05/2019/HNG§-ST
Ngµy 05- 4 -2019
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị Thơm) - sinh năm 1982 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Thọ Điền 2, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Thôn Bãi Dinh, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 (có mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Thọ Điền 2, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Khu Cầu Mỗ, Thôn Bãi Dinh, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin công nhận không ph là vợ chồng và đơn xin ly hôn đề ngày 19/11/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo P tục vào tháng 11/2000. Trước khi kết hôn, vợ chồng chị có được tìm hiểu nhau ít ngày và quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trước khi tổ chức cưới, chị không nhớ ngày nào, chị và anh P có đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do thời gian đã lâu, chị đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên không cung cấp được cho Tòa án. Sau khi tổ chức cưới, chị về làm dâu gia đình anh P ngay, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng nửa năm thì ra ở riêng. Vợ chồng chị chung sống bình thường được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2004 đến nay, tuy vợ chồng chị vẫn sống chung một nhà nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mỗi người ở riêng một phòng, không quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì nhau nữa. Nay chị thấy thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thanh, sinh ngày 03/12/2001 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 03/7/2003, hiện cả 02 con đều đang ở với chị. Các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng hai con chung và chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Về con chung ly hôn chị nhận nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm phun xăm thẩm mỹ tại nhà, ngoài ra còn làm phiên dịch thu nhập bình quân khoảng 10triệu/tháng;Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Văn P tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 25/01/2019 có trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tháng 11/2000, có đến đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do chị H cầm giấy chứng nhận kết hôn, anh không cầm nên không cung cấp được cho Tòa án. Sau khi cưới, chị H về làm dâu gia đình anh ngay, vợ chồng anh ở chung với bố mẹ chồng được 01 năm thì ra ở riêng. Vợ chồng anh chung sống mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vợ chồng anh chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thanh, sinh ngày 03/12/2001 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 03/7/2003, hiện cả 02 con đều đang ở với vợ chồng anh. Ly hôn anh nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang đi làm tự do, thu nhập bình quân 8-9 triệu/tháng cũng đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, anh không có xác nhận nộp cho Tòa án được.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con chung và anh không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H;Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị H, bị đơn anh P chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 11; Khoản 2, khoản 3 Điều 17; Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 ; khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P về con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Phương Thanh, sinh ngày 03/12/2001 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 03/7/2003. Anh Nguyễn Văn P không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng chị H, anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H ph chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thiện. Tuy anh P và chị H đều khai có đăng ký kết hôn tháng 11 năm 2000 nhưng đều không cung cấp được cho Tòa án về giấy đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh P sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tuy anh chị không sống ly thân vẫn ở cùng nhà nhưng chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và không còn quan tâm gì đến nhau, anh P tại phiên tòa cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Mặt khác, qua xác minh ở địa phương Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999-2002 không có ai là Nguyễn Thị H tên gọi khác là Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị Thơm kết hôn với anh Nguyễn Văn P. UBND xã Ngọc Thiện cũng xác định tại thời điểm nêu trên không có đăng ký kết hôn của vợ chồng chị H, anh P. Anh P, chị H khai có đăng ký kết hôn tháng 11/2000 nhưng Tòa án yêu cầu cung cấp đều không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân của chị H, anh P là không hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội.

[2] Về con chung: Chị H, anh P xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương Thanh, sinh ngày 03/12/2001 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 03/7/2003. Ly hôn chị H nhận nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh P đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con chung, chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa chị H và anh P, giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh P tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H ph chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11; Khoản 2 Điều 17; Điều 87 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P về con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thị Phương Thanh, sinh ngày 03/12/2001 và Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 03/7/2003. Anh Nguyễn Văn P không ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh P tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Chị Nguyễn Thị H ph chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002226 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân